HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2015/NQ-HĐND	*Vị Thanh, ngày 03 tháng 12 năm 2015*

NGHỊ QUYẾT
Về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA VIII KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 219/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc đề nghị thông qua chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và phát biểu giải trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua nội dung về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang. *(kèm theo nội dung chính sách ưu đãi)*

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa VIII kỳ họp thứ 16 thông qua và có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Đinh Văn Chung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2015/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Điều 1. Đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư

Nhà đầu tư hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hoạt động nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; sản xuất sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ; đào tạo nhân lực công nghệ cao sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng nhận.

Điều 2. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư

Nhà đầu tư phải có dự án đáp ứng các yêu cầu: có dự án thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ hoặc doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tạo ra sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị và hiệu quả cao. Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư

1. Hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang: Doanh nghiệp hoạt động trong Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang được hưởng các chính sách ưu đãi như đối với các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Ưu đãi về đất đai:

- Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

- Miễn, giảm thuế sử dụng đất Nông nghiệp: Nhà đầu tư được miễn thuế sử dụng với toàn bộ diện tích đất phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, trình diễn và chuyển giao ứng dụng công nghệ cao, thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020. Ngoài ra, nhà đầu tư được giảm 50% thuế sử dụng đất nông nghiệp ghi thu hàng năm đối với diện tích trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

3. Ưu đãi về thuế:

a. Miễn, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thu nhập được miễn thuế đối với các trường hợp: Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông sản, thủy sản. Trường hợp thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản phải đáp ứng các điều kiện sau: Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm từ 30% trở lên; sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thu nhập từ kinh doanh sản phẩm sản xuất thử nghiệm và thu nhập từ sản xuất sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam. Miễn thuế 04 (bốn) năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo đối với thu nhập doanh nghiệp có dự án đầu tư mới vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang.

- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với trường hợp sau: Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 (mười lăm) đối với thu nhập doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới vào Khu NNUDCNC Hậu Giang. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc Danh mục tiêu chí công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp có quy mô lớn, công nghệ cao hoặc mới cần đặc biệt thu hút đầu tư thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài nhưng tổng thời gian áp dụng thuế suất 10% không quá 15 (mười lăm) năm.

- Thời gian miễn và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

- Ngoài ra, nhà đầu tư được hưởng đầy đủ các ưu đãi khác về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật. Trong cùng thời gian, nếu nhà đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức thuế ưu đãi có lợi nhất.

b. Miễn, ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ, đổi mới công nghệ; Hàng hóa nhập khẩu để gia công cho phía nước ngoài được miễn thuế nhập khẩu (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu để gia công cho phía nước ngoài được phép tiêu hủy tại Việt Nam theo quy định của pháp luật sau khi thanh lý, thanh khoản hợp đồng gia công) và khi xuất trả sản phẩm cho phía nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu. Hàng hoá xuất khẩu ra nước ngoài để gia công cho phía Việt Nam được miễn thuế xuất khẩu, khi nhập khẩu trở lại được miễn thuế nhập khẩu trên phần trị giá của hàng hoá xuất khẩu ra nước ngoài để gia công theo hợp đồng. Ngoài ra, nhà đầu tư được hưởng đầy đủ các ưu đãi khác về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật hiện hành.

c. Miễn thuế giá trị gia tăng đối với:

- Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất;

- Dịch vụ tưới, tiêu nước; cày, bừa đất, nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp, thu hoạch sản phẩm nông nghiệp; phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác; máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Ngoài ra nhà đầu tư được hưởng đầy đủ các ưu đãi khác về thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

d. Chính sách riêng đối với tổ chức tiên phong: Ưu tiên chọn khu đất thuận lợi, phù hợp với quy hoạch chi tiết của Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho 05 nhà đầu tư đầu tiên tham gia vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Chính sách hỗ trợ đầu tư:

a. Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa:

- Nhà đầu tư áp dụng VietGAP, GlobalGAP trong sản xuất, sơ chế sản phẩm và có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm được ngân sách Nhà nước đầu tư 100% kinh phí điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông lâm thủy sản áp dụng VietGAP, GlobalGAP do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Hỗ trợ một lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư sản phẩm an toàn.

- Đối với doanh nghiệp cải tiến thiết bị, quy trình công nghệ, đổi mới công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn thực hiện hỗ trợ theo Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí.

b. Hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ:

- Hỗ trợ tối đa đến 50% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp (không tính giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư thực hiện dự án) theo Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Hỗ trợ tối đa đến 100% kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu, làm chủ, phát triển công nghệ trong Chương trình phát triển công nghệ cao đến năm 2020

theo Điều 7 Thông tư liên tịch số 219/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

c. Xuất nhập cảnh và cư trú: Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc cho các dự án đầu tư tại Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang được hỗ trợ về xuất nhập cảnh và cư trú theo quy định của pháp luật hiện hành.

d. Hỗ trợ vay vốn:

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc đối tượng vay vốn, được Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang hỗ trợ tiếp cận vay vốn tại các Quỹ tài chính của địa phương và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất theo quy định hiện hành để triển khai thực hiện dự án.

- Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ sản xuất sản phẩm quốc gia được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam tối đa 85% tổng mức đầu tư của dự án (không bao gồm vốn lưu động) với lãi suất cho vay, thời hạn cho vay và thời hạn ân hạn với mức ưu đãi cao nhất theo Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

- Nhà đầu tư được xem xét hỗ trợ kinh phí toàn bộ hoặc một phần kinh phí, được vay vốn khi nhà đầu tư thực hiện nghiên cứu tạo ra công nghệ cao, phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, sản xuất thử nghiệm, sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 theo quy định tại Điều 12 Luật Công nghệ cao và Khoản 1, 2, 4 Mục III Điều 1 Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ. Kinh phí thực hiện từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

Điều 4. Nguồn vốn để thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ cho nhà đầu tư có dự án đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang.

Trên đây là chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang./.

CHỦ TỊCH

Đinh Văn Chung